| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **683**/2020/DS - PT
Ngày: 17-7-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thúy Hoa.

*Các Thẩm phán*: Ông Đỗ Giang.

Ông Bùi Liên Minh.

***Thư ký Tòa phiên tòa***: Bà Đào Thị Lành - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 14 và 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số số 317/2020/TLPT-DS ngày 13/05/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 145/2020/DS-ST ngày 12/3/2020 của Tòa án nhân dân quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3192/2020/QĐ - PT ngày 24/6/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7864/2020/QĐ-PT ngày 09/7/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7884/2020/QĐ-PT ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

*Nguyên đơn*: Ngân hàng N.N.

Địa chỉ: Số 02 L.H, phường T.C, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Tiết Văn T.h – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Đức T. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 55 Phan Đình Ph, Phường M.b, quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo uỷ quyền, theo giấy uỷ quyền số 56A/CNPĐP-TH ngày 20/5/2020).

*Bị đơn*: Bà Phan Thị Kim Th, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 151/52A đường H, Phường M.H, quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Thúy V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 124 Tầng B, Đường Lt, phường B.t, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo uỷ quyền, giấy uỷ quyền số 002181/GUQ ngày 26/03/2018)

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn – Ngân hàng N.N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Đức Tuấn là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ngân hàng N.N trình bày:*

Ngân hàng N.N (gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 1607 – LAV – 201100569 ngày 03/8/2011 với bà Phan Thị Kim Th để cho bà Thvay số tiền 06 tỷ đồng với lãi suất vay tại thời điểm kỳ hợp đồng tín dụng là 21%/năm, thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 04/8/2011 đến ngày 04/8/2012, sau đó được gia hạn đến ngày 04/8/2014. Mục đích vay: thanh toán tiền mua nhà. Trả nợ gốc một lần vào cuối kỳ. Trả lãi hàng quý theo số dư thực tế vào ngày 25. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên là nhà đất tại địa chỉ 136/35 Đặng v.n, Phường M.B, quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phan Thị Ánh Ng (là em ruột bà Th) theo Hợp đồng thế chấp số 1607-LCP- 201100527 ngày 03/8/2011.

Do không có khả năng trả nợ nên bà Thvà bà Nguyệt thống nhất giao cho Ngân hàng bán đấu giá tài sản bảo đảm là căn nhà số 136/35 Đặng v.n, Phường M.B, quận P.N thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phan Thị Ánh Ng để trả nợ. Ngày 14/7/2014, Ngân hàng ra Thông báo giải chấp tài sản thế chấp và tiến hành bán đấu giá tài sản với giá mua bán là 6.150.000.000 đồng. Cùng ngày, Ngân hàng đã thanh toán phí đấu giá là 34.000.000 đồng, thu hết nợ gốc 06 tỷ đồng và một phần tiền lãi là 116.000.000 đồng, số tiền lãi còn nợ lại là 1.736.574.167 đồng (lãi trong hạn: 1.722.916.667 đồng, lãi chậm trả: 13.657.500 đồng).

Theo giấy cam kết ngày 02/7/2014, bà Thcam kết sẽ trả dần hàng năm tổng số tiền lãi là 1.851.000.000 đồng khi có điều kiện nhưng từ khi bà Thtrả hết nợ gốc và một phần nợ lãi, bà Thkhông thanh toán thêm bất cứ khoản nào. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Thphải thanh toán ngay một lần tổng số tiền lãi còn nợ 1.736.574.167 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Thtrả tiền lãi chậm trả: 13.657.500 đồng, chỉ yêu cầu bà Thtrả tiền lãi trong hạn: 1.722.916.667 đồng.

*Bà Trần Thị Thúy V là người đại diện hợp pháp của bị đơn - bà Phan Thị Kim Th trình bày:*

Bà xác nhận vào năm 2011 bà có vay số tiền 06 tỷ đồng tại Ngân hàng N.N, có thế chấp tài sản bảo đảm như Ngân hàng đã trình bày.

Ngày 12/7/2014, Ngân hàng yêu cầu bà viết giấy cam kết trả dần tổng số tiền lãi còn lại là 1.851.000.000 đồng để Ngân hàng hoàn tất thủ tục tất toán nợ cho bà vì bà đã giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý nợ và bà không còn nợ gì nên bà đã viết.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà trả số tiền nợ lãi 1.722.916.667 đồng là không đúng và bà cũng không đồng ý vì từ năm 2014 đến nay bà không ký kết bất cứ Hợp đồng tín dụng hay phụ lục bổ sung Hợp đồng tín dụng nào với Ngân hàng, bà cũng không còn nợ nần gì Ngân hàng và Ngân hàng cũng không có bất cứ văn bản nhắc nợ nào đối với bà nên bà không có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuy có vi phạm về thời hạn xét xử nhưng cũng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 145/2020/DS-ST ngày 12/3/2020 của Tòa án nhân dân quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:*

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Điều 19 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, lệ phí tóa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.N về việc đòi bà Phan Thị Kim Th trả số tiền 1.722.916.667 đồng (Một tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

2. Về án phí:

Ngân hàng N.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 63.687.500 đồng (Sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng N.N số tiền tạm ứng án phí 31.844.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 09476 ngày 29/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/4/2020, Nguyên đơn – Ngân hàng N.N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Vũ Đức Tuấn là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ngân hàng N.N trình bày:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lý do như sau: Ngày 03/8/2011, Ngân hàng N.N và bà Phan Thị Kim Th có ký hợp đồng tín dụng cho bà Thvay số tiền là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng), tài sản thế chấp là căn nhà và đất tại số 136/35 Đặng v.n, Phường M.B, quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu, sử dụng của bà Phan Thị Ánh Ng. Nhưng bà Thchỉ trả lãi đến tháng 11/2011 thì không trả lãi nữa. Sau đó bà Thvà Ngân hàng đã lập biên bản làm việc thỏa thuận bà Th, bà Nguyệt đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất nêu trên để trả nợ, nhưng sau nhiều lần đấu giá (8 lần) không thành (việc đấu giá chỉ thực hiện, ký hợp đồng giữa Ngân hàng và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Thành phố Hồ Chí Minh) Ngân hàng đã tự giải chấp tài sản để bà Th, bà Nguyệt tự bán với giá 6.150.000.000 đồng vào năm 2014. Như vậy tính đến ngày 02/5/2014 thì sau khi phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ, bà Thvẫn còn nợ lãi 1.736.574.167 đồng, bà Thcó ký cam kết với Ngân hàng sẽ trả nợ dần nhưng bà Thkhông thực hiện đúng như cam kết,Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với bà Thđể yêu cầu trả số lãi trên, nhưng bà Thvẫn không thực hiện, việc yêu cầu trả lãi được nhân viên thu hồi nợ của Ngân hàng trực tiếp gặp bà Thđể yêu cầu nhưng không lập biên bản làm việc, không có ra thông báo, không ghi nhận ý kiến bằng văn bản vì bà Thkhông đồng ý trả nợ. Ngân hàng xác định không có bất kỳ văn bản nào về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng hay miễn, giảm lãi cho bà Th. Trách nhiệm của bà Thlà trách nhiệm vô hạn cho tới khi trả hết nợ và lãi, trách nhiệm của bà Nguyệt là có hạn trong số tài sản đảm bảo mà bà Nguyệt thế chấp, nên Ngân hàng chỉ yêu cầu bà Thtrả lãi. Mặt khác, vào ngày 02/01/2019, Ngân hàng (Hội sở ở Hà Nội) có nhận được đơn xin cứu xét của bà Thgửi tới ông Trịnh Ngọc Khánh – khi đó là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng yêu cầu xin giảm lãi. Hội sở chỉ đạo cho Ngân hàng – Chi nhánh Phan Đình Ph phúc đáp không đồng ý với yêu cầu của bà Th. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Thtrả nợ lãi trong hạn số tiền 1.722.916.667 đồng, không yêu cầu trả lãi quá hạn.

*Bà Trần Thị Thúy V là người đại diện hợp pháp của bị đơn – bà Phan Thị Kim Th trình bày:*

Bà Ththừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và thế chấp nhà đất như Ngân hàng trình bày. Bà Thtrả lãi được một thời gian thì gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả nợ gốc và lãi, sau nhiều lần làm việc với Ngân hàng thì bà Th, bà Nguyệt đồng ý phát mãi tài sản để trả nợ cho Ngân hàng với điều kiện toàn bộ tổng thu nợ gốc, lãi và các khoản phát sinh của hợp đồng sẽ được tất toán từ việc phát mãi tài sản bảo đảm. Chứng cứ là các biên bản làm việc giữa Ngân hàng và bà Th. Việc Ngân hàng và Trung tâm đấu giá ký hợp đồng và làm việc như thế nào thì bà Thkhông được biết. Việc có tờ giấy cam kết của bà Ththì do tại thời điểm trả nợ, người đại diện Ngân hàng thu hồi nợ nói rằng bà Thký bản cam kết chỉ để lưu hồ sơ, chứng từ tại Ngân hàng chứ không để làm gì hết. Bà Thtin lời người này nói nên mới ký cam kết. Sau này khi được Tòa án nhân dân quận P.N triệu tập lên làm việc bà Thmới biết bị Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu trả lãi, bà Thkhông biết khoản lãi này là như thế nào vì giữa bà và Ngân hàng không còn bất kỳ nợ nần gì. Đối với đơn xin cứu xét của bà Ththì nội dung có phần xin giảm lãi nhưng vì lý do là bà và Ngân hàng đã kết thúc hợp đồng tín dụng, bà cũng đã sử dụng tài sản thế chấp để phát mãi trả nợ, nên không còn bất kỳ khoản nợ nào với Ngân hàng, tại đơn xin cứu xét ngày 02/01/2019 bà Thghi rõ việc bà ký cam kết là do nhân viên Ngân hàng yêu cầu ký để lưu hồ sơ.

Do đó, bà Thkhông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:***

*Về tố tụng*:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

*Về nội dung*:

Ngày 03/8/2011, bà Phan Thị Kim Th ký hợp đồng tín dụng số 1607 vay Ngân hàng N.N số tiền 6 tỷ với lãi suất 21/%/năm, thời hạn vay 12 tháng, bà Thđã trả lãi được 823.916.667 đồng. Căn cứ biên bản làm việc ngày 20/12/2012 thì các bên thống nhất là bà Thgiao căn nhà đã thế chấp cho Ngân hàng bán đấu giá để trả nợ gốc và lãi, hai bên đồng ý chốt giá là 6 tỷ 600 triệu đồng và không tính lãi phát sinh, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng thừa nhận điều này. Đồng thời tại biên bản làm việc ngày 12/12/2012, "Sau khi nghe ý kiến trình bày các bên, cuối cùng các bên đi đến thống nhất bán toàn bộ căn nhà 136/35 Đặng v.n, Phường M.B, quận P.N với số tiền 6 tỷ 600 triệu để thanh toán hết nợ gốc và lãi…". Như vậy, hai bên đã thống nhất giá bán căn nhà 6 tỷ 600 triệu để thanh toán nợ gốc và lãi. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Thtrả lãi

1.736.574.167 đồng là không có cơ sở. Việc bà Thcó cam kết đó là yêu cầu của Ngân hàng để hợp thức hóa hồ sơ. Bà Thđã tất toán nợ nên Ngân hàng mới giải chấp tài sản được.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cho rằng việc tính lãi từ lúc giao nhà bán đấu giá, do thời gian dài không bán được nhà nên tiền lãi phát sinh nhiều. Với cách lập luận của nguyên đơn là không hợp tình hợp lý, bởi lẽ việc chậm bán tài sản nên tiền lãi phát sinh nhiều đây không phải là lỗi của bà Th, vì bà Thđã giao tài sản cho Ngân hàng bán để thanh toán hết nợ gốc và lãi nên không thể bắt bà Thphải chịu lãi phát sinh khi chưa bán được nhà. Điều này, không đúng như hai bên cùng thống nhất trong biên bản làm việc ngày 12/12/2012 và ngày 20/12/2012. Một điều bất hợp lý vì sao bà Thchậm thanh toán tiền từ năm 2012 nhưng đến năm 2017 Ngân hàng mới khởi kiện. Sau khi xử lý tài sản thế chấp, nguyên đơn không có bất kỳ văn bản nào cơ cấu lại nợ hoặc ký phụ lục hợp đồng bổ sung hay có thông báo nhắc nợ cho bà Thnên không thể buộc bà Thtrả lãi phát sinh. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, nhiều lần Tòa án yêu cầu Ngân hàng cung cấp hết tất cả chứng cứ nhưng Ngân hàng cố tình kéo dài trì hoãn không nộp. Đến khi bị đơn cung cấp chứng cứ thì nguyên đơn mới bổ sung. Điều này, cho thấy nguyên đơn cố tình che dấu các chứng cứ bất lợi cho nguyên đơn, làm cho việc giải quyết vụ án không khách quan, không đúng bản chất vụ việc.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn – Ngân hàng N.N. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét, đơn kháng cáo của nguyên đơn – Ngân hàng N.N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phan Thị Kim Th trả số tiền 1.722.916.667 đồng (Một tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận:

Giữa bà Phan Thị Kim Th và Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 1606-LAV-201100569 ngày 03/8/2011 cho bà Thvay số tiền 6.000.000.000 đồng,

lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 21%/năm, tài sản đảm bảo là nhà và đất tại số 136/35 Đặng v.n, Phường M.B, quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, có cơ sở để xác định Ngân hàng có cho bà Thvay và đã giải ngân cho bà Thsố tiền 6.000.000.000 đồng.

Do làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ bà Th, bà Nguyệt thống nhất đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thông qua Trung tâm đấu giá thành phố, việc ký hợp đồng bán đấu giá được thực hiện giữa Ngân hàng và Trung tâm bán đấu giá, bà Thkhông biết việc ký và thực hiện hợp đồng này.

Qua nhiều lần bán đấu giá không thành, Ngân hàng tự giải tỏa ngăn chặn để bà Th, bà Nguyệt bán đấu giá nhà đất lấy tiền trả cho Ngân hàng. Ngày 14/7/2014, Ngân hàng ra Thông báo giải chấp tài sản thế chấp. Sau khi bán đầu giá tài sản được 6.150.000.000 đồng. Ngân hàng đã thu nợ gốc 06 tỷ đồng, tiền lãi là 116.000.000 đồng và trả phí đấu giá là 34.000.000 đồng.

Từ năm 2014 đến nay, giữa bà Thvà Ngân hàng không có ký bất kỳ biên bản làm viêc, thỏa thuận hay thông báo nào khác. Cũng không có ký thêm hợp đồng tín dụng hay phụ lục hợp đồng bổ sung có công chứng nào.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký giữa bà Thbà Ngân hàng: Tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng quy định: "Khi một trong hai bên muốn có sự thay đổi nội dung điều khoản nào của Hợp đồng này thì gửi đề xuất tới bên kia bằng văn bản. Nếu bên kia chấp thuận, hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng để bổ sung, thay đổi…".

Xét sự thống nhất trong lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm thì từ năm 2014 đến nay, bà Thkhông còn nợ Ngân hàng khoản nợ gốc nào cũng như không ký kết bất kỳ hợp đồng tín dụng hay phụ lục hợp đồng tín dụng nào với Ngân hàng. Do đó, căn cứ đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp ngày 14/7/2014, Ngân hàng ban hành Thông báo giải chấp căn nhà và đất tại địa chỉ 136/35 Đặng v.n, Phường M.B, quận P.N thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phan Thị Ánh Ng để tất toán nợ cho bà Th, và từ sau thời điểm xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận, thì nguyên đơn không có bất kỳ văn bản nào cơ cấu lại nợ, nguyên đơn và bị đơn cũng không ký phụ lục hợp đồng bổ sung theo quy định của pháp luật, và không có bất kỳ một văn bản nào để thông báo nhắc nợ cho bị đơn nhằm xác lập nghĩa vụ phải trả nợ của bị đơn nên không thể buộc bà Thphải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 1.722.916.667 đồng vì theo quy định tại Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010: "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước." Như vậy, Ngân hàng đã không thực hiện đúng điều khoản Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký

kết, không cơ cấu lại nợ theo quy định của pháp luật và Ngân hàng, cũng như không có thông báo nhắc nợ nhằm xác lập nghĩa vụ phải trả nợ của bị đơn.

Nguyên đơn đưa ra căn cứ để chứng minh việc bà Thcòn nợ lãi của Ngân hàng và cam kết sẽ trả nợ dần là Giấy cam kết ngày 02/7/2014 được đánh máy và có chữ ký của bà Phan Thị Kim Th. Xét, tại nội dung giấy cam kết thể hiện thì số tiền lãi là 1.851.000.000 đồng nhưng Ngân hàng lại yêu cầu bà Thtrả số tiền lãi trong hạn: 1.722.916.667 đồng, Ngân hàng cũng xác nhận rằng từ khi trả hết số nợ gốc và một phần nợ lãi, bà Thkhông thanh toán thêm bất cứ khoản nào. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án quận P.N có ban hành Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ yêu cầu Ngân hàng cung cấp cho Tòa án bản sao Biên bản xử lý nợ vay thì số tiền lãi là 1.736.574.167 đồng, không đúng với số tiền tại Giấy cam kết của bà Th. Biên bản xử lý nợ vay có thành phần cuộc họp gồm 10 người trong đó chủ trì buổi họp là ông Nguyễn Thiện Thuật, giám đốc nhưng trong nội dung biên bản không có ý kiến của ông Thuật và ông Nguyễn Khắc Duy, cán bộ tín dụng phụ trách món vay, ngoài ra, tại mỗi trang biên bản không có đầy đủ chữ ký của 10 người tham gia buổi họp, biên bản cũng không được đóng dấu giáp lai. Do đó, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở để xác định tại thời điểm bị đơn chấp nhận giao tài sản bảo đảm của hợp đồng tín dụng cho nguyên đơn toàn quyền phát mãi để thu hồi nợ, thì đây là ý chí thỏa thuận của các bên đồng ý giao tài sản bảo đảm để thu hồi là thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Từ những phân tích trên và căn cứ lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng N.N là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – Ngân hàng N.N, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng N.N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Bà Phan Thị Kim Th không phải chịu án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Điều 19 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Pháp lệnh Án phí, lệ phí tóa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1**. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - Ngân hàng N.N;

**2**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 145/2020/DS-ST ngày 12/3/2020 của Tòa án nhân dân quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3**. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.N về việc đòi bà Phan Thị Kim Th trả số tiền 1.722.916.667 đồng (Một tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

**4**. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn - Ngân hàng N.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 63.687.500 đồng (Sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng N.N số tiền tạm ứng án phí 31.844.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 09476 ngày 29/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.N.

Bị đơn – bà Phan Thị Kim Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn - Ngân hàng N.N phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng N.N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0042694 ngày 03/03/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận P.N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Q. P.N;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. P.N;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hoa**